

## CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 125/2004/NĐ-CP ngày 19/5/2004 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 03/02/2000 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.**

### CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp như sau:

**1. Điều 2 được bổ sung thêm điểm 9a như sau:**

“9a) Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000”.

**2. Điều 3 được bổ sung thêm điểm m vào khoản 1 như sau:**

“m) Kinh doanh dịch vụ môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài”.

**3. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung đoạn cuối khoản 3 như sau:**

“Người thành lập doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện đúng điều kiện kinh doanh theo quy định. Nếu doanh nghiệp tiến hành kinh doanh mà không có đủ điều kiện theo quy định, thì thành viên công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Chủ tịch công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kinh doanh đó”.

**4. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Thành viên công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Chủ tịch công ty hoặc thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của số vốn được xác nhận khi thành

lập doanh nghiệp và trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp”.

**5. Điều 6 được bổ sung như sau:**

a) Bổ sung thêm các điểm g, h và i vào khoản 2 như sau:

“g) Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, mua bán thuốc bảo vệ thực vật”.

“h) Kinh doanh dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải”.

“i) Mua bán di vật, cổ vật, bảo mật quốc gia”.

b) Bổ sung thêm các khoản 4 và 5 như sau:

“4. Các Bộ: Tư pháp, Y tế, Thủy sản, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài chính, Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn về trình tự, thủ tục, điều kiện, thời hạn và thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này; thực hiện quản lý nhà nước đối với việc cấp chứng chỉ hành nghề đó”.

“5. Người có chứng chỉ hành nghề chỉ được đăng ký trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của một cơ sở kinh doanh và phải chịu trách nhiệm về việc tuân thủ đúng các quy định về chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh của cơ sở đó”.

**6. Điều 8 được bổ sung các khoản 3 và 4 như:**

“3. Một cá nhân chỉ được làm chủ sở hữu một doanh nghiệp tư nhân hoặc thành viên hợp danh của một công ty hợp danh”.

“4. Tổ chức nước ngoài, người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam được quyền góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

Việc góp vốn, mua cổ phần do các bên có liên quan thỏa thuận, quyết định và phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ, đăng ký thay đổi thành viên tại cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký.

Tổ chức nước ngoài, người nước ngoài góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có quyền ủy quyền cho công dân Việt Nam làm thành viên Hội đồng thành viên tương ứng với phần vốn góp hoặc đề cử người vào Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty.”

**7. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

a) Thêm một đoạn vào cuối khoản 1 như sau:

“Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, tập hợp danh sách các đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp trong cả nước theo quy định tại các khoản 6 và 7 Điều 9 Luật Doanh nghiệp. Danh sách này phải được định kỳ cập nhật và thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh”.

b) Sửa đổi khoản 6 như sau:

“6. Cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước được quyền làm người quản lý ở doanh nghiệp khác với tư cách đại diện theo ủy quyền cho



doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nếu nhân danh cá nhân góp vốn vào doanh nghiệp khác, thì không làm người quản lý ở doanh nghiệp đó”.

**8. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

a) Điểm d khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu hoặc số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số quyết định thành lập của thành viên, phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên; tên, địa chỉ, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số quyết định thành lập của chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên”.

b) Điểm o khoản 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“o) Tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số quyết định thành lập, chữ ký của tất cả cổ đông sáng lập và của người đại diện theo pháp luật của công ty.

Các cổ đông có thể thỏa thuận ghi vào Điều lệ công ty các nội dung khác không trái với quy định của pháp luật”.

c) Bổ sung thêm một đoạn vào cuối khoản 4 như sau:

“Các thành viên hợp danh có thể thỏa thuận ghi vào Điều lệ công ty các nội dung khác không trái với quy định của pháp luật”.

**9. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

a) Điểm a khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số quyết định thành lập của từng thành viên”.

b) Điểm a khoản 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số quyết định thành lập của từng cổ đông sáng lập.”

**10. Bổ sung Điều 11a và 11b như sau:**

**“Điều 11a.** Hướng dẫn cụ thể về một số quyền và nghĩa vụ của thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn.

1. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, nếu thành viên là người đại diện theo pháp luật bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, trốn khỏi nơi cư trú, bị bệnh tâm thần hoặc mắc các bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật, thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới.



2. Trường hợp cá nhân thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, bị kết án tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật, thì thành viên đó ủy quyền cho người khác tham gia Hội đồng thành viên quản lý công ty.

3. Trường hợp công ty không mua lại phần vốn góp, không thanh toán được phần vốn góp được mua lại hoặc không thỏa thuận được về giá mua lại phần vốn góp như quy định tại Điều 31 Luật Doanh nghiệp, thì thành viên yêu cầu công ty mua lại có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác. Trong trường hợp này, việc chuyển nhượng không bắt buộc phải thực hiện theo quy định tại Điều 32 Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp một hoặc một số thành viên bị chết hoặc bị Tòa tuyên bố là đã chết sở hữu ít nhất 65% vốn điều lệ của công ty thì các thành viên còn lại có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để quyết định việc người thừa kế của thành viên bị chết hoặc bị Tòa tuyên bố là đã chết trở thành thành viên của công ty hoặc công ty mua lại hoặc chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên bị chết theo quy định của pháp luật.

5. Thành viên chưa đóng đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết phải trả lãi phát sinh từ số vốn chưa góp cho công ty với

tỷ lệ lãi suất cho vay cao nhất của các ngân hàng thương mại cho đến khi nộp đủ số vốn đã cam kết góp.”

“Điều 11b. Triệu tập họp Hội đồng thành viên.

1. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có một thành viên sở hữu hơn 65% vốn điều lệ công ty, thì Điều lệ công ty phải quy định một tỷ lệ khác nhỏ hơn 35% vốn điều lệ mà thành viên, nhóm thành viên thiểu số phải có để có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền.

2. Trường hợp thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Doanh nghiệp yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên, thì yêu cầu phải bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính hoặc tên nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của thành viên, nhóm thành viên yêu cầu phần vốn góp của thành viên, từng thành viên trong nhóm.

b) Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên và vấn đề cần giải quyết.

c) Kiến nghị chương trình họp.

d) Chữ ký của từng thành viên hoặc đại diện có thẩm quyền đối với thành viên là tổ chức.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên chuẩn bị nội dung, triệu tập và chủ tọa họp Hội đồng thành viên. Chủ tịch Hội đồng thành viên triệu tập họp Hội đồng thành viên bất cứ khi nào, nếu xét thấy cần



thiết cho việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Trường hợp có yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp Hội đồng thành viên trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản, nếu yêu cầu có đủ nội dung như quy định và vấn đề kiến nghị giải quyết thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

Nếu yêu cầu không đủ các điều kiện nói trên, thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản cho thành viên, nhóm thành viên có yêu cầu và các thành viên khác biết trong thời hạn 7 ngày, kể từ khi nhận được yêu cầu.

Nếu yêu cầu có đủ điều kiện theo quy định mà Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định, thì thành viên, nhóm thành viên có yêu cầu có quyền triệu tập họp Hội đồng thành viên.

Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được công ty hoàn lại.

4. Mời họp có thể được thực hiện bằng thư bưu chính, fax, thư điện tử hoặc điện thoại; mời họp phải thông báo rõ chương trình họp, thời gian và địa điểm họp.

5. Mỗi thành viên đều có quyền kiến nghị bổ sung chương trình họp, nếu được số thành viên đại diện cho ít nhất 51% số phiếu của tất cả thành viên dự họp chấp thuận”.

**11. Khoản 4 Điều 14 được sửa đổi như sau:**

**"4.** Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, cơ quan công đoàn ngành và Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

**12. Bổ sung thêm Điều 18a như sau:**

**"Điều 18a.** Công khai hóa lợi ích có liên quan của thành viên, người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

1. Các thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, người đại diện thành viên là tổ chức trong Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) phải kê khai:

a) Doanh nghiệp, gồm tên doanh nghiệp, trụ sở chính, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trong đó bản thân họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Doanh nghiệp, gồm tên doanh nghiệp, trụ sở chính, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh, do vợ, chồng, con đẻ, con nuôi của họ làm chủ sở hữu.

c) Doanh nghiệp, gồm tên doanh nghiệp, trụ sở chính, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh, trong đó, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi của họ sở hữu hơn 40% vốn điều lệ.

Người phải kê khai theo quy định tại



khoản này phải kê khai bổ sung, thay đổi, nếu có, trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày bổ sung, thay đổi thông tin đã kê khai có hiệu lực.

2. Các bản kê khai quy định tại khoản 1 Điều này được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Tất cả thành viên, đại diện thành viên là tổ chức của công ty trách nhiệm hữu hạn, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Giám đốc đều có quyền xem nội dung kê khai bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết”.

**13. Bổ sung thêm Điều 21a và 21b như sau:**

**“Điều 21a.** Vốn cổ phần của cổ đông sáng lập phải được góp đủ ngay sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Cổ đông sáng lập chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần góp vào công ty đã ghi trong danh sách cổ đông sáng lập được đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh”.

**“Điều 21b.** Thực hiện quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Doanh nghiệp.

1. Các cổ đông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là cổ đông, nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 53) để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo cho tất cả cổ đông dự họp biết ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định số

người mà cổ đông, nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 53 được quyền đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 53 có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 86 Luật Doanh nghiệp; ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc các trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

Yêu cầu phải bằng văn bản và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, trụ sở chính hoặc tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của cổ đông;

b) Số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty;

c) Các hành vi vi phạm và các nghĩa vụ cụ thể mà Hội đồng quản trị đã vi phạm, mức độ vi phạm hoặc các quyết định của Hội đồng quản trị đã vượt quá thẩm quyền;

d) Kiến nghị các vấn đề cần giải quyết.

Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.



4. Cổ đông, nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 53 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông đưa vấn đề kiến nghị này vào dự kiến chương trình và nội dung họp, nếu kiến nghị đó đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và 3 Điều 73 Luật Doanh nghiệp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung họp, nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Cổ đông, nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 53 có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, trụ sở chính hoặc tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của cổ đông;
- b) Số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty;
- c) Vấn đề cần kiểm tra, mục đích của kiểm tra.

Ban Kiểm soát phải tiến hành kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông theo khoản 2 Điều 53 trong thời hạn 7 ngày, kể từ khi nhận được yêu cầu, nếu cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu có sở hữu số cổ phần như quy định tại khoản 2 Điều 53 và yêu cầu có đủ nội dung như quy định tại khoản này.

Sau khi kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm

soát phải thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu; thông báo phải nêu rõ tính hợp pháp, hợp lý và sai sót, kiến nghị giải pháp tương ứng khắc phục, nếu có, trong vấn đề được kiểm tra; báo cáo tất cả cổ đông biết tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông”.

#### **14. Bổ sung thêm Điều 36a như sau:**

**“Điều 36a.** Thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện các nghị định quy định về điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, về vốn pháp định và chứng chỉ hành nghề; quản lý việc chấp hành điều kiện kinh doanh đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan.

b) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật quy định ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh các ngành, nghề đó; văn bản pháp luật quy định về chứng chỉ hành nghề và văn bản pháp luật quy định về vốn pháp định.

c) Xây dựng và hướng dẫn phương thức tổ chức quản lý các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề và ngành, nghề kinh doanh đòi hỏi phải có



vốn pháp định; giám sát và kiểm tra việc thực hiện quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với điều kiện kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

d) Xây dựng và hướng dẫn phương thức bảo vệ môi trường, kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường.

đ) Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; giám sát và kiểm tra việc quản lý hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

e) Xây dựng và hướng dẫn phương thức tổ chức quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn và vệ sinh lao động.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức phối hợp giữa các Sở, cơ quan chuyên môn trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong cung cấp thông tin về doanh nghiệp, trong giải quyết khó khăn, cản trở đầu tư và phát triển doanh nghiệp trong phạm vi thẩm quyền; trong kiểm tra và thanh tra doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức đăng ký kinh doanh và chỉ đạo quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể theo các nội dung đăng ký kinh doanh.

c) Chỉ đạo các Sở, cơ quan chuyên môn trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện

thực hiện các quy định của pháp luật và hướng dẫn tương ứng của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ về thuế, quản lý các điều kiện kinh doanh, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn và vệ sinh lao động, kiểm soát ô nhiễm môi trường; trực tiếp xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm quy định về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực nói trên.

d) Tổ chức cơ quan đăng ký kinh doanh, quyết định biên chế cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, tổ chức thực hiện đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; chỉ đạo và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý vi phạm hành chính trong đăng ký kinh doanh”.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

*Thủ tướng*

**Phan Văn Khải**